

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2021/DS-PT

Ngày: 02-12-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
tranh chấp hợp đồng tặng cho tài
sản, tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Thẩm phán:

1. Bà Trịnh Thị Phúc

2. Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng tặng cho tài sản, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 209/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh M, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 318, Quốc lộ A, Phường B, Thành phố T, tỉnh Long An.

(Giấy ủy quyền công chứng số 5645 ngày 27/11/2020 tại Văn phòng Công chứng Lê Văn Vinh, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An)

2. Bị đơn (phản tố): Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1976;

Địa chỉ: số 10, Nguyễn Thị S, khu phố A, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số 223/3, Bùi Thị X, Phường 1, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền công chứng số 1999 ngày 29/4/2020 tại Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Khu phố 1, phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số 223/3 Bùi Thị X, Phường 1, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền công chứng số 2047 ngày 05/5/2020 tại Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An)

3.2. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1874;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

3.3. Ông Lê Trần Công T1, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Tổ 7, Thôn 2, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ liên lạc: Số 107, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Đ – Trưởng Văn phòng;

Địa chỉ: Số 141, Lý Thường K, khu phố A, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

3.5. Ông Võ Hưng N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

3.6. Bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1995;

3.7. Ông Lê Thanh H1, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: Khu phố 1, phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Bích P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 04/3/2020 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn Nguyễn Văn V trình bày:

Ông Nguyễn Văn V yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích P trả số tiền nợ vay gốc là 814.000.000 đồng và tiền lãi 292.924.000 đồng; yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ký ngày 01/7/2019 giữa bà P, ông H với bà N. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V xin rút lại yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giữa bà P, ông H với bà N; Rút lại yêu cầu số tiền vay gốc 300.000.000 đồng (theo biên nhận nợ ngày 29/7/2018 là 35.000.000 đồng, theo biên nhận nợ ngày 04/10/2018 số tiền 100.000.000 đồng và số tiền mà ông V cho bà P mượn nhưng không có giấy tờ chứng minh).

Ông V chỉ yêu cầu bà P trả số tiền gốc 514.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 0.84%/tháng.

Ông V cho bà P vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 20/8/2018, ông V cho bà P vay 364.000.000 đồng có giấy viết tay, thời hạn trả đến cuối tháng 3/2019 âm lịch. Lý do trong giấy mượn tiền có ghi mượn của ông Võ Hưng N là do nguồn gốc số tiền này của ông V mượn của ông N rồi cho bà P vay lại, viết như vậy để ông N tin tưởng đưa tiền cho ông V mượn.

Ngày 05/10/2018 ông V cho bà P vay 60.000.000 đồng theo hình thức chuyển khoản (có giấy ủy nhiệm chi tại Ngân hàng); Ngày 09/10/2018 cho vay 30.000.000 đồng theo hình thức chuyển khoản (có giấy nộp tiền tại Ngân hàng); Ngày 28/9/2018 cho vay 10.000.000 đồng theo hình thức chuyển khoản (có giấy chuyển tiền); Ngày 04/10/2018 cho vay 50.000.000 đồng theo hình thức chuyển khoản (có 02 giấy chuyển tiền).

Toàn bộ số tiền cho bà P vay là tiền ông V mượn của ông Võ Hưng N và ông V cho bà P vay lại. Giữa bà P và ông N không biết nhau, bà P cũng không vay tiền của ông N. Việc ông V mượn tiền của ông N thì các bên không lập thành văn bản vì là bạn bè nên tin tưởng nhau và không tranh chấp trong vụ án này, sau này giữa ông V và ông N có tranh chấp thì sẽ khởi kiện riêng.

Về các phiếu chuyển tiền mà bà P cung cấp đã chuyển tiền cho ông V tổng cộng 157.000.000 đồng là tiền bà P nộp tiền hui cho ông V, chứ không phải trả nợ vay.

Về lãi suất yêu cầu: Khi vay thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng (không lập thành văn bản). Từ khi vay tiền đến nay bị đơn chưa thanh toán được khoản lãi nào. Nay ông V xác định chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0,84%/tháng đối với số tiền cho vay 514.000.000 đồng.

Về thời gian tính lãi: Đối với số tiền 364.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/8/2018 có thỏa thuận thời hạn trả nợ là tháng 3/2019 âm lịch nên ông V yêu cầu tính lãi từ ngày 25/4/2019 đến ngày Tòa ra quyết định xét xử 25/4/2021, thành tiền 73.382.000 đồng.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng cho vay theo các phiếu chuyển tiền, khi cho vay không thỏa thuận thời hạn trả, chỉ thỏa thuận miệng khi nào ông V đòi thì trả. Ông V đã yêu cầu bà P không được nên khởi kiện ra Tòa án. Khi đòi nợ chỉ nói miệng, không nhớ rõ thời gian nên yêu cầu tính lãi từ ngày chuyển tiền đến khi ra quyết định xét xử, thành tiền 20.328.000 đồng.

Về yêu cầu phân tố bồi thường thiệt hại của bị đơn: Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu trên vì bà P là bị đơn trong vụ án, bà P có quyền thuê luật sư, chi phí thuê luật sư bà P phải tự chịu. Về thiệt hại tinh thần: Ông V chỉ thực hiện quyền khởi kiện của mình chứ không có hành vi sai trái nên không có nghĩa vụ phải bồi thường, bà P cũng không chứng minh được thiệt hại.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh N do người đại diện theo ủy quyền ông Hà Ngọc T trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông V về số tiền 514.000.000 đồng và tiền lãi thì bà P không đồng ý vì Giấy nhận nợ ngày 20/8/2018 số tiền 364.000.000 đồng là do ông V nhờ bà P viết để ông V khát nợ ông N; bà P không biết ông N là ai, không vay tiền ông N.

Ông V có viết tay liệt kê khoản tiền gốc, lãi là 344.000.000 đồng trong 01 tờ giấy rồi nhờ bà P viết giấy nhận nợ ngày 20/8/2018 (vì sao ông V nhờ bà P viết số tiền 364.000.000 đồng mà không phải là 344.000.000 đồng so với khoản liệt kê của ông V thì không rõ). Việc ông V nhờ bà P viết giấy xác nhận nợ giùm thì hai bên chỉ nói miệng chứ không lập thành văn bản, không có ai chứng kiến, do bà P mới học đến lớp 2, hiểu biết thấp nên mới tin tưởng viết. Mặt khác thông thường các khoản vay đều là số tròn nhưng khoản tiền trong giấy nợ ngày 20/8/2018 là 364.000.000 đồng có số tiền lẻ là không phù hợp.

Trước đây giữa bà P và ông V có giao dịch mượn tiền qua lại nhiều lần, khi vay không có thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Cụ thể số tiền vay bao nhiêu thì bà P không nhớ, về hình thức vay tiền có khi nhận trực tiếp, có khi chuyển khoản. Bà P xác định đã trả xong cho ông V, thể hiện qua 09 phiếu chuyển tiền qua Ngân hàng cho ông V từ ngày 17/9/2018 đến ngày 10/5/2019 tổng là 132.000.000 đồng. Ngoài ra ngày 26/12/2018 bà P chuyển cho ông V 25.000.000 đồng (thể hiện trong tài liệu sao kê Tòa án thu thập được). Như vậy tổng số tiền bà P đã chuyển cho ông V là 157.000.000 đồng.

So với 05 phiếu chuyển tiền mà ông V cung cấp có chuyển cho bà P 150.000.000 đồng thì bà P cũng đã chuyển lại cho ông V 157.000.000 đồng là tương đương nhau. Bà P xác định hiện không còn nợ ông V và ông V cũng không còn nợ bà P.

Ông V cho rằng các phiếu bà P chuyển tiền cho ông V để đóng hội là không có căn cứ vì bà P không tham gia hội, ông V không phải là chủ hội, nếu có việc tham gia hội thì phải đóng theo định kỳ nhưng so các khoảng thời gian bà P chuyển tiền cho ông V thì không theo định kỳ nào. Ông V cũng không có

chứng cứ chứng minh.

Về yêu cầu trả lãi: Bà P không đồng ý vì không nợ tiền vay của ông V.

Về yêu cầu phản tố bồi thường thiệt hại: Bà P yêu cầu ông V bồi thường thiệt hại vật chất là chi phí thuê luật sư 70.000.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần 16.000.000 đồng tương đương 10 tháng lương tối thiểu, tổng cộng số tiền 86.000.000 đồng do ông V khởi kiện vô cớ, vu khống, trong quá trình giải quyết vụ án, ông V còn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản bà P tặng cho bà N sau đó rút lại yêu cầu này và rút lại yêu cầu trả tiền vay theo 02 giấy nhận nợ ngày 27/9/2018 và ngày 04/10/2018, gây khó khăn cho bà P đi lại tốn kém, phải thuê luật sư gây thiệt hại, ông V khởi kiện đưa cả gia đình bà P vào trong vụ án trong khi không có căn cứ chứng minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Hưng N có đơn xin vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Số tiền mà ông V cho bà P vay là tiền của ông N cho ông V mượn, do ông V quen biết bà P nên cho bà P mượn lại. Việc ông V hỏi tiền của ông đưa cho bà P vay thì ông có biết, vì mỗi lần ông V lấy tiền đưa cho bà P xong ông V có đưa giấy nợ cho ông xem. Ông V cho bà P vay và trực tiếp thỏa thuận với nhau nên ông V có trách nhiệm yêu cầu bà P trả; ông N không biết bà P. Ông V mượn tiền của ông nên sau này có trách nhiệm thanh toán cho ông, hai bên tự thỏa thuận, không tranh chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H có đơn xin vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết trình bày: Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ không đồng ý với yêu cầu hủy hợp đồng công chứng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Trần Công T1 có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết trình bày:

Ngày 25/4/2020 ông có thỏa thuận đặt cọc để mua nhà đất thửa số 2937, tờ bản đồ số 7, đất tại thị xã Kiến Tường với bà N. Tuy nhiên giữa các bên đã hủy bỏ giao dịch. Các bên không có tranh chấp gì và cũng không phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên ông không liên quan, ông đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Kim N1 vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 161, 168, 217, 218, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, 275, 357, 466,

468, 469, 470 và Điều 584 của Bộ luật Dân sự; Điều 18, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Bích P.

Bà Nguyễn Thị Bích P có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền nợ vay gốc 429.000.000 đồng, số tiền lãi là 79.087.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi phải thanh toán là 508.087.000 đồng.

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V tranh chấp với bà Nguyễn Thị Bích P số tiền vay gốc và lãi là 99.623.000 đồng.

3. Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về tranh chấp tiền vay với bà Nguyễn Thị Bích P là 300.000.000 đồng. Hậu quả giải của việc đình chỉ: Ông Nguyễn Văn V có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật.

4. Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về tranh chấp hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ký ngày 01/7/2019 giữa bà Nguyễn Thị Bích P, ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị Thanh N. Hậu quả giải của việc đình chỉ: Ông Nguyễn Văn V không có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại với ông Nguyễn Văn V số tiền 86.000.000 đồng.

6. Về chi phí giám định: 6.400.000 đồng ông Nguyễn Văn V tự nguyện chịu chi phí này, ông V đã nộp xong.

7. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn V phải chịu 4.981.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông V được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.604.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007471 ngày 18/3/2020 và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007480 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Ông V được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 17.923.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu 24.323.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và phải chịu 4.300.000 đồng đối với yêu cầu khởi kiện phản tố không được chấp nhận. Tổng cộng án phí phải nộp 28.623.000 đồng. Bà P được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009547 ngày 04/01/2021 và 900.000 đồng theo Biên lai thu số 0009325 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Bà P còn phải nộp số tiền án phí là 26.473.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn về quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 24/5/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P kháng toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu cấp phúc thẩm xác định bà không có vay tiền của ông Nguyễn Văn V và không có nghĩa vụ trả nợ; đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V; xem xét chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại cho bị đơn; xem xét việc Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng trong việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 29/4/2020 và trong việc thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn phản tố và không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không xuất trình, giao nộp bổ sung chứng cứ nào mới.

Bị đơn do ông Hà Ngọc T đại diện cho rằng không có giao dịch vay số tiền 364.000.000 đồng giữa bà P với ông V. Giấy nhận nợ ngày 20/8/2018 giữa bà P với ông N là do ông V yêu cầu bà P viết để ông V khất nợ với ông N nên không có căn cứ để buộc bà P trả cho ông V số tiền 364.000.000 đồng. Ông V đã chuyển khoản ngân hàng cho bà P tổng cộng 150.000.000 đồng, nhưng bà P đã chuyển trả lại cho ông V tổng cộng là 157.000.000 đồng nên không còn nợ ông V, không có căn cứ để buộc bà P trả cho ông V số tiền 150.000.000 đồng như ông V yêu cầu. Bà P không có yêu cầu ông V trả lại số tiền chuyển thừa là 7.000.000 đồng.

Ông V khởi kiện bà P làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, tinh thần của bà P và phải trả tiền chi phí thuê luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà P tại Tòa án các cấp, nên bà P yêu cầu ông V bồi thường thiệt hại là có thật. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng khi thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông V, vi phạm về thu tạm ứng án phí và quyết định áp dụng biện pháp tạm thời. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà P, sửa án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V; chấp nhận phản tố của bà P.

Nguyên đơn do ông Lê Thanh M đại diện cho rằng số tiền 364.000.000 đồng mà ông V cho bà P vay là tiền của ông N nên Giấy nhận nợ ngày 20/8/2018 ghi bà P vay của ông N là hợp lý. Ông V khởi kiện bà P ra Tòa án là

thực hiện quyền tố tụng theo quy định pháp luật không phải là hành vi vi phạm pháp luật nên bà P yêu cầu ông V bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần là không có căn cứ. Bà P thuê luật sư đại diện tham gia tố tụng trong vụ án thì tự chịu chi phí nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu kháng cáo của đương sự: Theo hồ sơ vụ án và qua tranh tụng tại phiên tòa thấy rằng ông V yêu cầu bà P trả số tiền 364.000.000 đồng là có cơ sở. Số tiền 150.000.000 đồng ông V chuyển khoản cho bà P đã cản trừ xong nên kháng cáo của bà P là có cơ sở chấp nhận. Bà P yêu cầu ông V bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần, chi phí thuê luật sư là không có căn cứ nên kháng cáo không có cơ sở chấp nhận.

Việc Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là căn cứ theo yêu cầu của nguyên đơn và Tòa án đã hủy bỏ theo đơn đề nghị của nguyên đơn; bị đơn không có kháng cáo quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án; nguyên đơn đã rút lại yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Tòa án đã đình chỉ giải quyết trong bản án; các đương sự không kháng cáo.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích P làm đúng thủ tục và nộp trong thời hạn luật định, nên vụ án được xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông V yêu cầu bà P trả tiền nợ vay, yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; bà P yêu cầu ông V bồi thường thiệt hại về chi phí thuê luật sư và tiền tổn thất tinh thần nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[3] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét kháng cáo về số tiền nợ gốc 364.000.000 đồng và tiền lãi: Ông V yêu cầu bà P trả tiền nợ gốc là 364.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất

0.84%/tháng, theo Giấy nhận nợ ngày 20/8/2018 (BL số 167); bà P không thừa nhận có vay ông V số tiền 364.000.000 đồng, nhưng thừa nhận chữ ký và chữ viết trên giấy nhận nợ ngày 20/8/2018 do bà P viết, ký ra. Theo nội dung giấy nhận nợ ghi nhận về việc bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1976 có mượn (vay) của ông Đỗ Hưng Nguyên, sinh năm 1976 số tiền là 364.000.000 đồng, thời hạn vay đến cuối tháng 3 âm lịch năm 2019 (ngày 04/5/2019) trả. Mặt khác, theo Đơn khởi kiện ngày 04/3/2020 (BL số 01) ông V xác định: *“Cả 03 biên nhận trên do bà Nguyễn Thị Bích P viết và ký nhận là mượn tiền của anh Võ Hưng N là vì số tiền này Tôi mượn của anh Võ Hưng N sau đó cho bà Nguyễn Thị Bích P mượn lại. Giữa tôi với anh Võ Hưng N có ký biên nhận nợ. Nay anh Nguyên đồng ý cho tôi kiện bà P lấy lại số tiền trên,”* nên giao dịch tài sản được xác lập theo sự thừa nhận của ông V là giữa ông N với bà P. Mặt khác, ông Võ Hưng N thừa nhận (BL số 223a) thì: *“Cả 03 biên nhận trên do bà Nguyễn Thị Bích P viết và ký nhận là mượn của tôi nhưng giữa tôi và anh Vũ có ký biên nhận nợ khác. Nay tôi đồng ý anh Vũ khởi kiện bà P lấy lại số tiền trên cho anh Vũ, tiền gốc và lãi như anh Vũ yêu cầu, sau đó tôi với anh Vũ sẽ có thỏa thuận khác”*. Như vậy, có đủ căn cứ xác định về chủ thể của hợp đồng vay tài sản với bà P không phải là ông V. Việc ông V khởi kiện bà P là theo sự chỉ dẫn và được sự đồng ý của ông N, nhưng giữa ông N, bà P và ông V không có sự thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ tài sản và ông V cũng không được ông N ủy quyền hợp pháp để khởi kiện đòi nợ bà P, nên yêu cầu này của ông V là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo về số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi: Theo sự thừa nhận của bà P, ông V và các chứng từ giao dịch ngân hàng thì từ ngày 28/9/2018 đến ngày 09/10/2018 ông V đã chuyển cho bà P 05 lần tiền tổng cộng là 150.000.000 đồng, nội dung ghi: Tiền mượn, không xác định thời hạn trả, không xác định lãi suất. Từ ngày 17/9/2018 đến ngày 10/5/2019, bà P chuyển khoản cho ông V 10 lần tiền tổng cộng là 157.000.000 đồng, nội dung ghi: Chuyển tiền. Bà P thừa nhận có mượn (vay) của ông V tổng cộng 150.000.000 đồng qua chuyển khoản ngân hàng, nhưng cho rằng đã chuyển trả cho ông V 157.000.000 đồng nên không còn nợ ông V. Ông V thì cho rằng số tiền 157.000.000 đồng bà P chuyển khoản cho ông V là tiền hui, nhưng không có chứng cứ chứng minh giữa ông V với bà P có giao dịch hui với nhau và bà P cũng không thừa nhận là tiền hui. Mặt khác, theo Sổ phụ tài khoản số 6611205008051 của ông Nguyễn Văn V (BL số 249-255) từ ngày 04/10/2018 đến ngày 18/6/2019 thì ông V nhiều lần chuyển, nhận tiền góp hui từ nhiều tài khoản khác nhau, nhưng không có lần nào nhận, chuyển tiền góp hui từ tài khoản của bà P. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền bà P chuyển khoản cho ông V tổng cộng là 157.000.000 đồng là tiền trả nợ. Bà P đã chuyển trả cho ông V nhiều hơn 7.000.000 đồng. Cho nên, ông V yêu cầu bà P trả lại số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo về yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 86.000.000 đồng: Việc ông V khởi kiện bà P yêu cầu Tòa án giải quyết để bảo vệ quyền lợi và lợi

ích hợp pháp của mình thuộc trường hợp cá nhân thực hiện quyền khởi kiện theo quy định pháp luật; không phải là hành vi trái pháp luật. Mặt khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chi phí thuê luật sư trong vụ án do người yêu cầu chịu, nên chi phí thuê luật sư không phải là thiệt hại phát sinh từ hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp nên bà P phản tố yêu cầu ông V bồi thường thiệt hại là không có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là phù hợp.

[7] Xét kháng cáo về việc Tòa án sơ thẩm quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 01/2020/QĐ-ADBPKCTT ngày 29/4/2020 và thụ lý yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-ADBPKCTT đã bị Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường hủy bỏ tại Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-TA ngày 11/5/2020 theo yêu cầu của ông V và bà P cũng không có khiếu nại trong thời hạn luật định nên Tòa án cấp phúc thẩm không có thẩm quyền giải quyết. Ngoài ra, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông V đã bị đình chỉ do ông V rút yêu cầu khởi kiện; các đương sự đều không kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[8] Từ phân tích nêu trên, xét thấy một phần kháng cáo của bà P là có cơ sở và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận một phần. Bà P không phải chịu án phí phúc thẩm, điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp với quy định pháp luật.

[9] Những nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 161, Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 18, 26, 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Tuyên xử;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V đối với bà Nguyễn Thị Bích P về số tiền vay 607.710.000 đồng (tiền gốc là 514.000.000 đồng và tiền lãi là 93.710.000 đồng).

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về số tiền vay 300.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn V có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 01/7/2019 giữa bà Nguyễn Thị Bích P, ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị Thanh N. Ông Nguyễn Văn V không có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P về việc yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Văn V bồi thường thiệt hại số tiền 86.000.000 đồng.

5. Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn V tự nguyện chịu 6.400.000 đồng. Ông V đã nộp xong.

6. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn V phải chịu 28.308.400 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.604.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007471 ngày 18/3/2020 và 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007480 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường sang thi hành án phí. Ông Nguyễn Văn V phải nộp tiếp tiền án phí sơ thẩm còn thiếu là 5.404.400 đồng.

Bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí do bà P nộp là 1.250.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009547 ngày 04/01/2020 và 900.000 đồng theo Biên lai thu số 0009325 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường sang thi hành án phí sơ thẩm. Bà P phải nộp tiếp số tiền án phí sơ thẩm còn thiếu là 2.150.000 đồng.

7. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích P không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009675 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn/ĐanThanh.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương